

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Hưng 1, diện tích 44,3 ha tại thôn 1, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Hưng 1, diện tích 44,3 ha tại thôn 1, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 878/CSPR-CN ngày 22/9/2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 680/TTr-STNMT ngày 30/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Hưng 1, diện tích 44,3

ha (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại thôn 1, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng, Chủ tịch UBND xã Minh Hưng, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-69-QĐPD-01/10).



 Kí. **CHỦ TỊCH** /
PHÓ CHỦ TỊCH
Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
MINH HƯNG 1, DIỆN TÍCH 44,3 HA TẠI THÔN 1,
XÃ MINH HƯNG, HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC
DO CÔNG TY TNHH MTV CAO SU PHÚ RIỀNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 04/10/2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Minh Hưng 1, diện tích 44,3 ha.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng.

Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 3800100062 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 16/6/2021.

Trụ sở chính: Đường ĐT 741, thôn Phú Thịnh, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến Vượng, chức danh: Tổng Giám đốc và ông Lưu Thế Doanh, chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Thôn 1, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 44,3 ha.

1.5. Tính chất của Dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Gồm đất nhà xưởng, đất hành chính, dịch vụ; đất cây xanh (đất công viên cây xanh và đất cây xanh cách ly); đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật, đất giao thông.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn chuẩn bị và triển khai xây dựng Dự án:* Gồm bụi, khí thải từ hoạt động của các máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển phục vụ phát quang thực bì; bụi từ hoạt động đào đất và san lấp mặt bằng; bụi phát sinh từ hoạt động tập kết và bốc dỡ nguyên, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển vật liệu và phương tiện thi công xây dựng; bụi, khí thải từ hoạt động cắt hàn, xì kim loại, từ quá trình chà nhám, sơn và hoạt động làm đường; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Gồm bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông vận tải; bụi, khí thải từ quá trình sản xuất của các

nhà máy thứ cấp; mùi hôi phát sinh từ khu tập kết rác sinh hoạt, từ hệ thống xử lý nước thải; nước thải sinh hoạt; nước thải từ hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Nước thải xây dựng*: Lưu lượng phát sinh khoảng 6,62 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 6,3 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: TSS, BOD₅, COD, amoni, tổng photpho, tổng nitơ, dầu mỡ động thực vật, coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của chủ hạ tầng Cụm công nghiệp*: Lưu lượng khoảng 4,5 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: TSS, BOD₅, COD, amoni, tổng photpho, tổng nitơ, dầu mỡ động thực vật, coliform. Lưu lượng nước thải sinh hoạt từ các dự án thứ cấp được thể hiện chi tiết tại hồ sơ môi trường của mỗi dự án thứ cấp khi đầu tư vào Cụm công nghiệp.

- *Nước thải sản xuất từ các dự án thứ cấp*: Lưu lượng khoảng 852,7 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: pH, SS, BOD₅, COD, tổng nitơ, tổng photpho, PO₄³⁻...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Bụi, khí thải từ hoạt động của các máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển phục vụ phát quang thực bì*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,22 mg/m³. Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi từ hoạt động đào đất và san lấp mặt bằng*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,41 mg/m³.

- *Bụi phát sinh từ hoạt động tập kết và bốc dỡ nguyên, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,32 mg/m³.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển vật liệu và phương tiện thi công xây dựng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

- *Bụi, khí thải từ hoạt động cắt hàn, xì kim loại và từ quá trình chà nhám, sơn và hoạt động làm đường*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, khói hàn, CO, NO_x, VOC.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông vận tải*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

- *Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất của các dự án thứ cấp*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, SO₃, H₂S, CO, NO₂...

- Mùi hôi phát sinh từ khu tập kết rác sinh hoạt, từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Các hợp chất mercaptan, H_2S , CH_4 , NH_3 ...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Chất thải rắn phát sinh từ quá trình thu dọn thực bì:* Khối lượng khoảng 1.742 tấn; thành phần chủ yếu là các loại cây bụi, cỏ và thực bì còn sót lại của đất trồng cao su, điều.

- *Chất thải rắn xây dựng:* Phát sinh khoảng 8.283,5 tấn trong quá trình xây dựng, chủ yếu xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 112 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm bao bì ni lông, hộp nhựa, hộp xốp, thực phẩm thừa, chai lọ, các chất vô cơ khác...

2.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng Cụm công nghiệp:* Phát sinh khoảng 62 kg/ngày; thành phần bao gồm: Thực phẩm dư thừa, rau, củ, quả, các chất vô cơ...

- *Chất thải rắn thông thường phát sinh của chủ hạ tầng Cụm công nghiệp:* Phát sinh với khối lượng khoảng 0,3 tấn/ngày, chủ yếu là rác lá, cành cây...

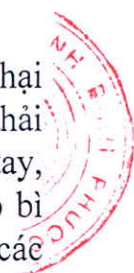
- *Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường từ các dự án thứ cấp:* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh từ các dự án thứ cấp sẽ được thể hiện chi tiết tại hồ sơ môi trường của mỗi dự án thứ cấp khi đầu tư vào Cụm công nghiệp.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 71 kg trong giai đoạn xây dựng bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang thải; dầu nhớt thải từ quá trình bảo dưỡng; bao tay, giẻ lau thải dính các thành phần nguy hại; bao bì cứng thải bằng nhựa; bao bì cứng thải bằng kim loại; sơn, cặn sơn thải, chất chống thấm; que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại.

2.5.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của chủ hạ tầng Cụm công nghiệp:* Phát sinh khoảng 60,813 kg/ngày bao gồm các loại chất thải như: Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại; bao bì cứng thải bằng kim loại; bao bì cứng thải bằng nhựa; bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composite...); mực in thải chứa thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 55,313 kg/ngày.



- *Chất thải nguy hại từ các dự án thứ cấp*: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ các dự án thứ cấp sẽ được thể hiện chi tiết tại hồ sơ môi trường của mỗi dự án thứ cấp khi đầu tư vào Cụm công nghiệp.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Bố trí 06 nhà vệ sinh lưu động, dung tích bồn chứa nước thải 01 m³/nhà vệ sinh tại các khu vực để công nhân thuận tiện sử dụng. Nước thải sinh hoạt sau khi thu gom được hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*: Nước thải xây dựng được thu gom vào 02 hố lắng tạm, kích thước mỗi hố: dài 1,5 m, rộng 03 m và sâu từ 70 – 140 cm có kết cấu hồ đất, lót bạt HDPE. Nước thải sau khi lắng cần được tái sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cần trước khi tái sử dụng cho quá trình thi công hoặc phun tưới giảm bụi.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng Cụm công nghiệp*: Chủ Dự án sử dụng 02 bể tự hoại 03 ngăn, mỗi bể có thể tích 10 m³ kích thước 2,5 m x 02 m x 02 m. Nước thải sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp để xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ các dự án thứ cấp*:

Nước thải từ các dự án thứ cấp được xử lý sơ bộ sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 1.030 m³/ngày.đêm (đã bao gồm hệ số an toàn k = 1,2) với quy trình như sau: Nước thải → Trạm bơm (lưới chắn rác) → Bể tách mỡ → Bể điều hoà → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng 1 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Trạm quan trắc → Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số k_q = 0,9; k_r = 1,0, sau đó thải vào suối phía Tây Nam của Dự án.

Kích thước các công trình xử lý nước thải:

STT	Tên công trình	Số lượng	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao (m)	Vật liệu
1	Bể thu gom	01	7,9	4,4	4,2	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
2	Bể tách mỡ	01	8,5	02	1,5	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
3	Bể điều hòa	01	14,7	8,5	04	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm

STT	Tên công trình	Số lượng	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao (m)	Vật liệu
4	Bể thu mỡ	01	02	02	04	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
5	Bể điều chỉnh pH	01	02	02	04	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
6	Bể keo tụ	01	02	02	04	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
7	Bể tạo bông	01	02	02	04	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
8	Bể lắng 1	01	6,4	6,4	04	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
9	Bể thu bùn hóa lý	01	2,45	02	04	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
10	Bể anoxic	01	8,7	08	04	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
11	Bể aerotank	01	20	08	04	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
12	Bể lắng 2	01	8,7	8,7	04	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
13	Bể thu bùn sinh học	01	3,05	02	04	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
14	Bể khử trùng	01	8,7	02	04	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
15	Bể chứa bùn	01	8,7	8,7	04	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
16	Mương quan trắc	01	3,6	01	03	Bê tông cốt thép, vật liệu chống thấm
17	Hồ sự cố	01	Mặt: 30 Đáy: 20	Mặt: 24,3 Đáy: 14,3	05	Đáy bằng bê tông cốt thép, thành nền đất đầm chặt, lót bạt HDPE dày 01 mm

Phương án thoát nước: Chủ Dự án sẽ thực hiện các thủ tục để đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu trong đó có hệ thống thoát nước mưa và nước thải ngoài hàng rào Cụm công nghiệp đến suối phía Tây Nam Dự án; trường hợp Dự án đi vào vận hành nhưng hạ tầng thoát nước (hệ thống thoát nước thải và thoát nước mưa ngoài hàng rào Cụm công nghiệp ra đến suối phía Tây Nam Dự án) chưa đầu tư hoàn thiện, Chủ Dự án sẽ báo cáo và đề xuất phương án đầu tư với UBND tỉnh.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$ trước khi thải ra suối phía Tây Nam Dự án. Chủ Dự án phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi đưa Dự án vào vận hành. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, chất rắn lơ lửng, COD, amoni.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình giải phóng, san lấp mặt bằng, tập kết nguyên vật liệu thi công:* Bố trí nhân lực hợp lý, tuần tự, tránh chồng chéo; bố trí các chuyến xe chuyên chở thực bì ra vào hợp lý; phun nước trong những ngày nắng nóng, gió mạnh tại khu vực thi công Dự án với tần suất 02 lần/ngày; thi công theo phương pháp cuốn chiếu, lắp đặt tường che chắn xung quanh khu vực Dự án bằng tôn cao 02 m; vệ sinh các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực Dự án...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển, thi công ra vào khu vực Dự án:* Tất cả các phương tiện được bảo dưỡng thường xuyên; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và thời gian vận chuyển; không sử dụng xe quá cũ, quá niên hạn sử dụng theo quy định; các loại xe ô tô, thiết bị chuyên dùng có đăng ký, đăng kiểm đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật khi đưa vào lưu hành phục vụ thi công Dự án; không chuyên chở hàng hóa vượt tải trọng quy định; tuân thủ thời gian biểu của hoạt động thi công Dự án...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ quá trình hàn cơ khí:* Lựa chọn máy hàn có công suất phù hợp; trang bị quạt công nghiệp; trang bị các phương tiện bảo hộ cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động từ quá trình chà nhám, sơn:* Sử dụng bàn chà có tích hợp thiết bị hút bụi trong khâu chà bột quét tường; sử dụng lưới chắn bụi bao che công trình tại các tầng cao của Dự án khi thực hiện; trang bị bảo hộ lao động, khẩu trang, kính cho công nhân làm việc tại công đoạn chà nhám, sơn.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình trải thảm nhựa đường:* Sử dụng loại nhựa đường có chất lượng tốt; sử dụng các thiết bị máy móc hiện đại khi thi công trải thảm nhựa đường, không dùng biện pháp thủ công; trang bị bảo hộ lao động, khẩu trang, kính cho công nhân làm việc tại công đoạn trải thảm nhựa đường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông:* Không sử dụng các phương tiện quá cũ, quá niên hạn sử dụng theo quy định; các loại xe ô tô, thiết bị chuyên dùng có đăng ký, đăng kiểm đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật; bê tông/nhựa hóa đường giao thông trong khu vực Dự án; khuyến khích công nhân tập trung sử dụng phương tiện đưa rước nhằm giảm

phương tiện cá nhân; trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án theo quy định...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi phát sinh từ khu tập kết rác sinh hoạt, từ hệ thống xử lý nước thải tập trung*: Thường xuyên thu gom rác mỗi ngày; kiểm tra, nạo vét hồ ga, bơm hút hầm cầu và sử dụng các chế phẩm khử mùi; trồng cây xanh tại khu vực xử lý nước thải, hệ thống thu gom kín và có hệ thống thoát khí ra ngoài; thường xuyên kiểm tra các công trình đơn vị hệ thống xử lý nước thải tập trung; sử dụng các chế phẩm khử mùi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của các dự án thứ cấp*: Các dự án thứ cấp khi đầu tư vào Cụm công nghiệp phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định; đồng thời, phải đảm bảo xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các dự án thứ cấp đảm bảo đạt các quy chuẩn theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy định hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn từ thu dọn thực bì, sinh khối thực vật phát quang*: Phân lô, dọn dẹp từng phần, phân thành từng loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng*: Các loại chất thải như đất hữu cơ bóc vỏ, đất đá dư thừa, vật liệu, phế thải xây dựng... được tận dụng để san lấp mặt bằng trong quá trình thi công; vệ sinh, thu dọn công trường sau mỗi ngày làm việc; các loại chất thải rắn khác được thu gom và lưu chứa tại kho chứa chất thải rắn tạm có diện tích 06 m², kết cấu: nền bằng xi măng, tường và mái bằng tôn; định kỳ Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định. Khối lượng đất đào dư được tận dụng san lấp hoàn thiện bề mặt cho các khu nhà xưởng của các dự án thứ cấp và các công trình dịch vụ khác trong Dự án; trường hợp, lượng đất dư trong Dự án không sử dụng hết thì Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ Dự án trang bị 04 thùng chứa, dung tích 550 lít bằng nhựa composite để thu gom hằng ngày; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung

một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt của chủ hạ tầng Cụm công nghiệp:* Chủ Dự án trang bị các thùng chứa rác thể tích 550 lít tại các tuyến đường trong Cụm công nghiệp và công trình công cộng để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt; sau đó chuyển về kho chứa có diện tích khoảng 50 m² gần khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn thông thường phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng Cụm công nghiệp:* Chủ Dự án trang bị các thùng chứa rác HDPE, dung tích 120 lít, có nắp đậy để thu gom, sau đó lưu chứa tại nhà chứa chất thải rắn có diện tích khoảng 50 m² gần khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án, kết cấu: nền bằng xi măng, tường xây gạch, mái lợp tôn và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất thông thường từ các dự án thứ cấp:* Các dự án thứ cấp khi đầu tư vào Cụm công nghiệp phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định; đồng thời, phải đảm bảo quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh từ các dự án thứ cấp theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE dung tích 60 lít có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại có diện tích khoảng 10 m² tại khu vực kho bãi, lán trại của Dự án, kết cấu: nền bằng xi măng, vách xây bằng gạch, mái lợp tôn. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của chủ hạ tầng Cụm công nghiệp:* Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại với diện tích khoảng 10 m², kết cấu: tường xây bằng gạch, nền xi măng, quét sơn chống thấm, mái lợp bằng tôn...; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được thu gom về khu vực máy ép bùn và kho chứa có diện tích 34,5 m² và được quản lý theo đúng quy định hiện hành.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại từ các dự án thứ cấp:* Các dự án thứ cấp khi đầu tư vào Cụm công nghiệp phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo quy định; đồng thời, phải đảm bảo quản lý chất thải nguy hại phát sinh từ các dự án thứ cấp theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Bố trí, lắp đặt các thiết bị gây ồn lớn cách xa các khu vực dân cư hiện hữu xung quanh khu vực Dự án; lựa chọn máy móc thiết bị có mức ồn thấp; tuân thủ thời gian biểu, tổ chức thi công hợp lý và kiểm soát mức ồn từ hoạt động vận chuyển trong thi công...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.3. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:* Các phương tiện vận chuyển cần đảm bảo mới, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật; phân bổ tuyến đường vận chuyển hợp lý; tăng cường trồng cây xanh dọc hai bên đường giao thông...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải tuân thủ theo các quy định hiện hành.

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ*: Các máy móc, thiết bị phải có lý lịch kèm theo và thường xuyên đo đạc, theo dõi các thông số kỹ thuật; định kỳ kiểm tra hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy; đặt biển báo dễ cháy, nổ tại khu vực chứa nguyên nhiên liệu dễ cháy, nổ; tập huấn kỹ năng phòng cháy chữa cháy cho các công nhân viên...

- *Biện pháp khắc phục sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung*: Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, sửa chữa kịp thời những hỏng hóc, duy tu bảo dưỡng định kỳ; kịp thời phát hiện và khắc phục sự cố hư hỏng hay bị ùn tắc hệ thống thoát nước mưa; khi có sự cố vỡ ống nước xảy ra cần nhanh chóng xử lý... Trang bị đầy đủ các máy móc, thiết bị dự phòng như máy bơm, máy khuấy, máy châm hóa chất... để thay thế kịp thời khi sự cố xảy ra. Sau khi khắc phục được sự cố, toàn bộ nước thải chứa trong hồ dự phòng sự cố sẽ được bơm trở lại hệ thống để xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa.
- Công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát*: 03 vị trí: 01 vị trí tại cổng chính ra vào Cụm công nghiệp; 01 vị trí tại khu vực công trường thi công; 01 vị trí tại nơi tiếp giáp khu vực dân cư gần nhất.

- *Thông số giám sát*: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi, tiếng ồn, TSP, SO₂, CO, NO₂.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày

10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí tại 02 bể lắng tạm nước thải xây dựng.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, dầu mỡ khoáng, SS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$).

5.1.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.2.1. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu vào tại bể thu gom và 01 vị trí đầu ra tại mương quan trắc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, Cl⁻, tổng nitơ, tổng photpho, dầu khoáng, độ màu, amoni, Cr, Fe, Cu, Zn, Pb, Hg, Ni, As, coliform.
- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (lấy mẫu từng công đoạn, theo từng đợt).
- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành:

5.3.1. Giám sát nước thải:

* *Giám sát định kỳ*:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí đầu vào tại bể thu gom và 01 vị trí đầu ra tại mương quan trắc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, Cl⁻, NO₂⁻, NO₃⁻, tổng nitơ, tổng photpho, dầu khoáng, độ màu, amoni, Cr, Fe, Cu, Zn, Pb, Hg, Ni, As, coliforms.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$.

* *Giám sát nước thải tự động, liên tục*:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại mương quan trắc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, chất rắn lơ lửng, COD, amoni.

- *Tần suất giám sát*: Liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Phước theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$.

5.3.2. Giám sát chất lượng nước mặt:

- *Vị trí giám sát*: 02 vị trí: 01 vị trí tại nơi tiếp nhận nước thải vào suối phía Tây Nam của Cụm công nghiệp; 01 vị trí tại hạ lưu so với vị trí tại nơi tiếp nhận nước vào suối phía Tây Nam của Cụm công nghiệp (cách điểm xả khoảng 500 m).

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, Cl⁻, NO₂⁻, NO₃⁻, tổng N, tổng P, dầu khoáng, độ màu, amoni, Mn, Fe, Cu, Zn, Pb, Hg, Ni, As, coliforms.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.3.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3.4. Giám sát chất lượng đất:

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm tại khu vực xử lý nước thải của Cụm công nghiệp.

- *Thông số giám sát*: As, Cd, Pb, Cu, Zn, Cr.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

6.1. Chỉ tiếp nhận vào Cụm công nghiệp các Dự án đầu tư thuộc những ngành nghề như đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Trường hợp có nguyện vọng thu hút vào Cụm công nghiệp các Dự án thuộc những ngành nghề khác với ngành nghề đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải báo cáo UBND tỉnh và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

6.2. Dự án Phải có hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải riêng biệt. Nước thải phát sinh từ các dự án thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp phải được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

6.3. Thực hiện phân khu chức năng và trồng cây xanh trong Cụm công nghiệp như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.4. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố hệ thống xử lý nước thải, các rủi ro và sự cố môi trường khác.



6.5. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, nếu có các sự cố về môi trường phải thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường biết để xử lý.

6.6. Định kỳ thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường và công tác thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng nội dung đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

6.7. Thực hiện nghiêm túc những nội dung về quản lý và bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp theo đúng quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.8. Chủ Dự án phải thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định. Các dự án thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định.

6.9. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 1613 ngày 15/7/2021 của UBND xã Minh Hưng về việc ý kiến tham vấn về Dự án Cụm công nghiệp Minh Hưng 1 và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án ngày 15/7/2021 tại Nhà văn hóa thôn 1, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.10. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.11. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.12. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.